TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG RIỀNG** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 257/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 15-5-2024
V/v: "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Văn Hôm
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Chí Bền
2. Ông Mai Văn Thuận

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Mỹ Nhan - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Thúy - Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 730/2023/TLST - HNGĐ, ngày 22 tháng 11 năm 2023 về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình - ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 138/2024/QĐXX-ST, ngày 12 tháng 4 năm 2024; giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Huỳnh Thị Ngọc Vsinh năm: 1987; địa chỉ: ấp Kinh Xuôi, xã Ngọc Thành, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang (có đơn xin vắng mặt)

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Thanh T, sinh năm: 1986; địa chỉ: ấp Kinh Xuôi, xã Ngọc Thành, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn chị Huỳnh Thị Ngọc Vtrình bày: Chị và Anh Nguyễn Thanh T tự tìm hiểu quen biết trước được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới vào năm 2010, có đăng ký kết hôn và được Uỷ ban nhân dân xã Ngọc Thành, huyện Giồng Riềng chứng nhận kết hôn. Chị và anh Tchung sống với nhau đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, do anh Tsống thiếu trách nhiệm với gia đình nên vợ chồng thường xuyên xảy ra bất hòa, cự cải nhau gây ảnh hưởng đến hạnh phúc gia đình. Nay xét thấy, giữa chị và anh Tnếu tiếp tục chung sống cũng không còn hạnh phúc nên chị yêu cầu ly hôn với anh Tuấn.

Về con chung: Chị Vxác định trong thời kỳ hôn nhân chị và anh Tkhông có con chung.

Về tài sản và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn Anh Nguyễn Thanh T không giao nộp văn bản thể hiện ý kiến trình bày của anh đối với yêu cầu khởi kiện của chị Vấn.

Phát biểu quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng:

Về trình tự thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, nguyên đơn được thực hiện đúng theo qui định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại Điều 70 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Vvà anh Ttự tìm hiểu và chung sống vợ chồng với nhau, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Ngọc Thành, huyện Giồng Riềng chứng nhận nên hôn nhân giữa anh, chị là hợp pháp. Chị Vcho rằng chị và anh Tchung sống với nhau đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, do anh Tsống thiếu trách nhiệm với gia đình nên vợ chồng thường xuyên xảy ra bất hòa, cự cải nhau làm tình cảm rạn nứt. Kể từ khi khởi kiện đến nay anh Tcũng không có liên hệ Chị Vđể hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nên xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng của chị Vấn, anh Tđã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích xây dựng hôn nhân lâu dài bền vững không đạt được nên Chị Vyêu cầu ly hôn anh Tlà có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận cho Chị Vđược ly hôn anh Tuấn.

Về con chung: Chị Vxác định chị và anh Tkhông có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh Tkhông có kiến phản đối gì đối với sự xác định trên của chị Vấn. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản và nợ chung: Chị Vxác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết và anh Tcũng không có yêu cầu nên đề nghị không xem xét. Khi nào các bên có tranh chấp thì xem xét giải quyết thành vụ kiện khác

Về án phí: Buộc Chị Vphải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về trình tự thủ tục tố tụng: Chị Huỳnh Thị Ngọc Vkhởi kiện yêu cầu ly hôn với Anh Nguyễn Thanh T nên đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng Dân sự và anh Tvới tư cách là bị đơn trong vụ kiện, có nơi cư trú tại huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang nên căn cứ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự thì vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Chị Vlà nguyên đơn có đơn xin vắng mặt. Anh Tvới tư cách là bị đơn trong vụ kiện. Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng đã thực hiện việc cấp tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh Tnhưng không thực hiện được do anh Tkhông có mặt tại nhà vì đi làm ở xa. Vì vậy, Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng trên theo quy định của pháp luật cho anh Tbiết, để anh có ý kiến phản hồi nhưng anh Tkhông giao nộp văn bản thể hiện ý kiến và vắng mặt qua các lần công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên Tòa xét xử không có lý do. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng tiến hành đưa vụ kiện ra xét xử vắng mặt chị Vấn, anh Tlà hoàn toàn phù hợp với quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ kiện:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Vvà anh Ttự tìm hiểu quen biết trước và tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Ngọc Thành, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang chứng nhận kết hôn nên hôn nhân của anh, chị được xem là hợp pháp. Theo sự xác định của chị Vấn, giữa chị và anh Tchung sống đến năm 2023 thì ly thân nhau cho đến nay. Nguyên nhân được Chị Vxác định do anh Tthiếu trách nhiệm với gia đình nên vợ chồng thường xuyên xảy ra bất hòa, cự cải nhau làm tình cảm rạn nứt mất dần hạnh phúc gia đình. Từ đó, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trở nên trầm trọng. Nay không thể tiếp tục chung sống hạnh phúc nên Chị Vyêu cầu ly hôn anh Tuấn. Riêng anh Tkhông có ý kiến gì phản đối về việc Chị Vyêu cầu ly hôn và cũng không giao nộp văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị Vấn. Theo quy định tại khoản 2 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự: "*Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó"*. Xét thấy, kể từ thời điểm Chị Vgửi đơn tại Tòa, chị xác định đã không còn chung sống vợ chồng với anh Tnên có đủ căn cứ để chứng minh đời sống vợ chồng của anh, chị không thể kéo dài, mục đích xây dựng hôn nhân lâu dài bền vững không đạt được. Bản thân anh Tcũng không có thiện chí để hàn gắn tình cảm vợ chồng, mặc dù Tòa án đã triệu tập anh để hòa giải nhưng anh vắng mặt. Xét thấy, Chị Vvà anh Tđã không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau nên anh chị đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trở nên trầm trọng. Vì vậy, Chị Vyêu cầu được ly hôn với anh Tlà có căn cứ phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử chấp nhận cho Chị Vđược ly hôn anh Tuấn.

[2.2] Về con chung: Chị Vxác định giữa chị và anh Tkhông có con chung. Anh Tkhông có ý kiến phản đối gì về con chung mà Chị Vcho rằng không có.

[2.3] Về tài sản và nợ chung: Chị Vxác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết và anh Tcũng không có yêu cầu nên đề nghị không xem xét. Khi nào các bên có tranh chấp thì xem xét giải quyết thành vụ kiện khác.

[3] Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí;

Án phí ly hôn sơ thẩm Chị Vphải nộp là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà Chị Vđã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0002306 ngày 17 tháng 11 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng (do Âu Minh Khang nộp thay). Chị Vđã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm nên không phải nộp thêm.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 và Điều 238, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Huỳnh Thị Ngọc Vđược ly hôn với Anh Nguyễn Thanh T.

2. Về tài sản và nợ chung: Không xem xét do không yêu cầu.

3. Về án phí: Án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng); buộc chị Huỳnh Thị Ngọc Vphải chịu nhưng khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà Chị Vđã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0002306 ngày 17 tháng 11 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng (do Âu Minh Khang nộp thay). Chị Vđã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm nên không phải nộp thêm.

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn là 15 (mười lăm) ngày được tính kể từ ngày các đương sự nhận được tống đạt hợp lệ bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Cơ quan THA huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã;
- Lưu.

Dương Văn Hôm